

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ AN BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/QĐ-UBND

An Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai
tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách xã quý IV năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã An Bình khóa XXII, kỳ họp thứ hai về việc phê duyệt dự toán và phân bổ ngân sách xã năm 2022;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Thu - Chi ngân sách xã quý IV năm 2022 của UBND xã An Bình.

(bao gồm các biểu kèm theo Quyết định này).

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.
- Địa điểm công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã An Bình và trên Cổng thông tin điện tử của xã An Bình: **anbinh.namsach.haiduong.gov.vn**

Điều 2. Công chức Văn phòng thống kê xã, Công chức Kế toán - Tài chính xã căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VP UBND xã.



Nguyễn Đăng Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN BÌNH**

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2023 của UBND xã An Bình)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước Thực hiện quý II	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng số thu	41.954.263,135	48.157.507,635	114,79
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	3.123.008	3.123.008	100,00
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.736.721,020	9.939.965,520	266,01
3	Thu bổ sung	34.022.640	34.022.640	100,00
	- Bổ sung cân đối	2.817.470	2.817.470	100,00
	- Bổ sung cân đối có gắn mã CTMT			
	- Bổ sung có mục tiêu	31.205.170	31.205.170	100,00
4	Thu chuyển nguồn	1.071.894,020	1.071.894,020	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	
II	Tổng số chi	41.954.263,135	39.881.700,234	95,06
1	Chi đầu tư phát triển	35.564.134,239	34.495.916,239	97,00
2	Chi thường xuyên	5.903.742,353	5.385.783,995	91,23
3	Chi dự phòng	486.386,543	-	-

An Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thúy

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Xuân

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2023 của UBND xã An Bình)

Đơn vị: 1.000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ IV		SO SÁNH (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
TỔNG THU	41.954.263,1	41.954.263,1	48.157.507,635	48.157.507,635	114,786	114,786
Các khoản thu 100%	3.123.007,8	3.123.007,8	3.123.007,756	3.123.007,756	100,0	100,0
Phí, lệ phí	56.574,0	56.574,0	56.574,0	56.574,0	100,0	100,0
Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	2.931.730,4	2.931.730,4	2.931.730,4	2.931.730,4	100,0	100,0
Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
Đóng góp của nhân dân theo quy định						
Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân đề XD các công trình	75.142,0	75.142,0	75.142,0	75.142,0	100,0	100,0
Thu khác	59.561,4	59.561,4	59.561,4	59.561,4	100,0	100,0
Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	3.736.721,0	3.736.721,0	9.939.965,520	9.939.965,520	266,008	266,008
Các khoản thu phân chia	294.721,0	294.721,0	314.795,802	314.795,802	106,8	106,8
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	36.353,6	36.353,6	36.353,623	36.353,623	100,0	100,0
Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.600,0	11.600,0	11.600,0	11.600,0	100,0	100,0
Lệ phí trước bạ nhà, đất	246.767,4	246.767,4	266.842,179	266.842,179	108,1	108,1
Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.442.000,0	3.442.000,0	9.625.169,718	9.625.169,718	279,639	279,639
Thu tiền sử dụng đất	3.370.000,0	3.370.000,0	9.573.244,500	9.573.244,500	284,1	284,1
Thuế giá trị gia tăng	48.000,0	48.000,0	33.639,989	33.639,989	70,083	70,083
Thuế thu nhập cá nhân	24.000,0	24.000,0	18.285,229	18.285,229	76,188	76,188
Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ IV		SO SÁNH (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Thu chuyển nguồn	1.071.894,0	1.071.894,0	1.071.894,020	1.071.894,020		
Thu kết dư ngân sách năm trước		-	-	-		
Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	34.022.640,3	34.022.640,3	34.022.640,3	34.022.640,3	100,0	100,0
Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.817.470,0	2.817.470,0	2.817.470,0	2.817.470,0	100,0	100,0
Thu bổ sung có mục tiêu	31.205.170,3	31.205.170,3	31.205.170,3	31.205.170,3	100,0	100,0

NGƯỜI LẬP

Thủy

Nguyễn Thị Thúy

An Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2023

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Xuân

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 09/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2023 của UBND xã An Bình)

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			THỰC HIỆN QUÝ III			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	41.954.263,135	35.564.134,239	6.390.128.896	39.881.700,234	34.495.916,239	5.385.783,995	95,06	97,00	84,28
	Trong đó:	-			-					
1	Chi Giáo dục	3.662.517,967	3.645.317,967	17.200,000	3.242.517,967	3.225.317,967	17.200,000	88,53	88,48	100,00
2	Chi CT DQTV, TT ATXH	438.909,000		438.909,000	438.909,000		438.909,000	100,00		100,00
3	Chi y tế	320.374,713	303.174,713	17.200,000	320.374,713	303.174,713	17.200,000	100,00	100,00	100,00
4	Chi văn hoá, thông tin	39.502,000		39.502,000	39.502,000		39.502,000	100,00		100,00
5	Chi phát thanh, truyền hình	58.345,000		58.345,000	58.345,000		58.345,000	100,00		100,00
6	Chi thể dục thể thao	35.005,960		35.005,960	35.005,960		35.005,960	100,00		100,00
7	Chi bảo vệ môi trường	686.268,995	553.323,000	132.945,995	590.268,995	457.323,000	132.945,995	86,01	82,65	100,00
8	Chi XD đời sống VH thôn, KDC	45.241,012		45.241,012	45.241,012		45.241,012	100,00		100,00
9	Chi các hoạt động kinh tế	6.327.161,712	6.278.992,000	48.169,712	6.252.019,712	6.203.850,000	48.169,712	98,81	98,80	100,00
	quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn									
10	thể	29.225.962,633	24.733.326,559	4.492.636,074	28.280.928,275	24.306.250,559	3.974.677,716	96,77	98,27	88,47
11	Chi công tác xã hội	628.587,600	50.000,000	578.587,600	578.587,600		578.587,600	92,05	-	100,00
12	Chi khác	-			-					
13	Dự phòng ngân sách	486.386,543		486.386,543				-		-

NGƯỜI LẬP

Thủy

Nguyễn Thị Thủy

An Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2023

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Xuân

Nguyễn Đăng Xuân